

Mẫu CBTT/SGDHCM-02

Appendix CBTT/SGDHCM-02

(Ban hành kèm theo Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19 tháng 08 năm 2016 của
TGD SGDCK TPHCM về Quy chế Công bố thông tin tại SGDCK TPHCM)
(Promulgated with the Decision No 340/QĐ-SGDHCM on August 19, 2016 of the Hochiminh Stock
Exchange on Disclosure of Information Regulation on Hochiminh Stock Exchange)

**CÔNG TY CỔ PHẦN
DRH HOLDINGS
DRH HOLDINGS JSC.**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness**

Số/No.: 03 /2021/DRH-CBTT

TP. HCM, ngày 20 tháng 01 năm 2021
Ho Chi Minh City, Jan 20th, 2021



**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ
NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM**

**DISCLOSURE OF INFORMATION ON
THE STATE SECURITIES
COMMISSION'S PORTAL AND
HOCHIMINH STOCK EXCHANGE'S
PORTAL**

Kính gửi/ To:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Hochiminh Stock Exchange*

- Tên tổ chức/ *Organization name*: CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS/ *DRH HOLDINGS JOINT STOCK COMPANY*
- Mã chứng khoán/ *Securities Symbol*: DRH
- Địa chỉ trụ sở chính/ *Address*: 67, Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TPHCM/ *67, Ham Nghi Street, Nguyen Thai Binh Ward, District 1, Ho Chi Minh City*
- Điện thoại/ *Telephone*: 028. 3822 3771
- Fax: 028. 3822 3727
- Người thực hiện công bố thông tin/ *Submitted by*: Trần Hoàng Anh
Chức vụ/ *Position*: Phó Tổng Giám đốc/ *Deputy General Director*

Loại thông tin công bố : định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

Information disclosure type: *Periodic* *Irregular* *24 hours* *On demand*

Nội dung thông tin công bố (*)/ Content of Information disclosure (*):

Công bố thông tin Báo cáo tài chính hợp nhất Quý IV năm 2020/ *Disclosure regarding consolidated financial statements of the 4th Quarter 2020.*

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 20/01/2021 tại đường dẫn: <http://www.drh.vn>

This information was disclosed on Company's Portal on Jan 20th, 2021 Available at: <http://www.drh.vn>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

I declare that all information provided in this paper is true and accurate; I shall be legally responsible for any misrepresentation.

Tài liệu đính kèm/ Attachment:

- Consolidated financial statements QIV/2020.
- BCTC hợp nhất Quý IV năm 2020.

Đại diện tổ chức 
Organization representative
Người UQ CBTT
Party authorized to disclose information

TRẦN HOÀNG ANH



CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2020

Tháng 01 năm 2021



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	2 -3
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	4
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	5- 6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	07 - 22

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2020	Tại 01/01/2020
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.624.642.147.922	1.596.640.088.159
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	40.355.517.129	36.881.145.276
Tiền	111		40.355.517.129	36.881.145.276
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		437.499.997	398.749.997
Chứng khoán kinh doanh	121		477.409.247	477.409.247
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(39.909.250)	(78.659.250)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		747.492.742.694	733.997.245.916
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	9	33.678.862.889	113.589.562.202
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		35.799.747.653	95.013.432.411
Phải thu ngắn hạn khác	136	10	678.014.132.152	525.394.251.303
Hàng tồn kho	140		826.821.316.582	815.250.676.384
Hàng tồn kho	141	8	826.821.316.582	815.250.676.384
Tài sản ngắn hạn khác	150		9.535.071.520	10.112.270.586
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14	2.265.577.843	1.665.922.987
Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.800.976.647	8.446.347.599
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		4.468.517.030	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		861.291.573.094	745.505.598.061
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.869.324.000	1.875.324.000
Phải thu dài hạn khác	216	10	1.869.324.000	1.875.324.000
Tài sản cố định	220		933.013.002	1.516.939.175
Tài sản cố định hữu hình	221	11	150.858.062	251.797.692
- Nguyên giá	222		1.377.236.317	1.268.038.317
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.226.378.255)	(1.016.240.625)
Tài sản cố định vô hình	227	12	782.154.940	1.265.141.483
- Nguyên giá	228		2.217.956.190	2.207.506.190
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.435.801.250)	(942.364.707)
Tài sản dở dang dài hạn	240	13	97.931.420.193	101.513.522.758
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	3.582.102.565
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		97.931.420.193	97.931.420.193
Đầu tư tài chính dài hạn	250	7	634.798.077.722	564.189.769.402
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		634.798.077.722	564.189.769.402
Tài sản dài hạn khác	260	14	125.759.738.177	76.410.042.726
Chi phí trả trước dài hạn	261		125.292.599.934	75.951.203.379
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		467.138.243	458.839.347
TỔNG TÀI SẢN	270		2.485.933.721.016	2.342.145.686.220

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ 01/10/20 đến 31/12/20

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

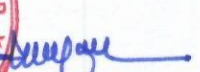
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2020	Tại 01/01/2020
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		1.637.647.061.569	1.531.708.948.665
Nợ ngắn hạn	310		1.635.296.252.763	1.516.066.412.241
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	60.124.947.790	66.321.115.398
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		408.432.716.968	355.383.532.038
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	28.938.124.491	17.662.288.209
Phải trả người lao động	314		2.095.388.644	2.483.407.128
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	4.380.674.089	579.383.770
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	709.429.648.796	907.482.939.508
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	410.279.917.859	159.744.282.542
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		11.614.834.126	6.409.463.648
Nợ dài hạn	330		2.350.808.806	15.642.536.424
Phải trả dài hạn khác	337	18	118.800.000	172.800.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	-	13.513.593.875
Dự phòng phải trả dài hạn	342		2.232.008.806	1.956.142.549
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		848.286.659.447	810.436.737.555
Vốn chủ sở hữu	410	20	848.286.659.447	810.436.737.555
Vốn góp của chủ sở hữu	411		609.999.330.000	609.999.330.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		609.999.330.000	609.999.330.000
Cổ phiếu ngân quỹ	415		(6.460.000.000)	(5.750.000.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		14.468.110.942	8.998.760.935
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		224.584.944.254	191.466.511.914
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		176.793.136.897	136.773.011.845
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		47.791.807.357	54.693.500.069
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		5.694.274.251	5.722.134.706
TỔNG NGUỒN VỐN	440		2.485.933.721.016	2.342.145.686.220

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Phạm Thị Mai Nương

Lê Thị Thuần

Ngô Đức Sơn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2020

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 4		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
			VND	VND	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	17.142.460.363	332.156.161.425	77.912.065.587	369.159.685.107
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-		2.746.873.082
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		17.142.460.363	332.156.161.425	77.912.065.587	366.412.812.025
Giá vốn hàng bán	11	22	14.403.093.536	285.981.321.037	56.640.238.648	300.002.299.825
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.739.366.827	46.174.840.388	21.271.826.939	66.410.512.200
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	8.832.488.306	39.554.099	9.469.066.177	742.416.716
Chi phí tài chính	22	24	9.960.562.189	8.520.765.592	24.250.804.927	31.567.732.023
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		9.733.740.707	8.109.655.042	22.092.899.293	28.319.029.947
Phần lãi trong công ty liên kết	24		23.747.603.666	32.861.110.902	70.608.308.320	73.856.301.126
Chi phí bán hàng	25		1.562.172.540	29.198.439.428	5.222.481.643	28.132.128.899
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	10.090.383.030	4.458.947.347	27.670.419.308	17.889.569.636
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		13.706.341.040	36.897.353.022	44.205.495.558	63.419.799.484
Thu nhập khác	31	26	27.533.797	2.662.714.883	941.561.666	3.102.318.209
Chi phí khác	32	26	1.636.501.710	791.936.747	2.012.539.429	1.747.559.145
Lợi nhuận khác	40		(1.608.967.913)	1.870.778.136	(1.070.977.763)	1.354.759.064
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		12.097.373.127	38.768.131.158	43.134.517.795	64.774.558.548
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		728.604.128	4.137.751.984	(4.621.130.212)	7.570.771.729
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	2.898.447.293	(8.298.896)	2.513.110.942
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		11.368.768.999	31.731.931.881	47.763.946.903	54.690.675.877
Lợi nhuận sau thuế của Công ty Mẹ	61		11.386.866.958	31.716.748.837	47.791.807.357	54.693.500.069
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(18.097.959)	15.183.044	(27.860.454)	(2.824.192)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	160	446	673	763
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	27	160	446	673	763

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2021

Người lập biểu



Phạm Thị Mai Nương

Kế toán trưởng

Lê Thị Thuần

Ngô Đức Sơn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
 Quý 4 năm 2020

Chi tiêu	Mã số Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay VND	Năm trước VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	43.134.517.795	64.774.558.548
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	703.574.173	736.966.086
Các khoản dự phòng	03	237.116.257	1.881.495.083
Lãi hoạt động đầu tư	05	(114.005.707)	(78.201.904)
Chi phí lãi vay	06	22.092.899.293	28.319.029.947
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	66.054.101.811	95.633.847.760
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(76.841.502.679)	(141.654.534.436)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(7.988.537.633)	(16.649.572.023)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(143.208.684.934)	364.479.187.954
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(49.941.051.411)	2.696.173.200
(Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	1.528.618.186
Tiền lãi vay đã trả	14	(11.520.873.426)	(26.767.553.031)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(6.722.294.228)	(6.696.363.330)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	23.461.371	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(2.695.154.532)	(3.504.262.109)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(232.840.535.661)	269.065.542.171
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(119.648.000)	(250.560.000)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	122.514.072	78.201.904
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2.866.072	(172.358.096)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(710.000.000)	(5.750.000.000)
Tiền thu từ đi vay	33	629.996.971.029	319.583.071.398
Tiền trả nợ gốc vay	34	(392.974.929.587)	(583.528.083.320)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	236.312.041.442	(269.695.011.922)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	3.474.371.853	(801.827.847)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	6 36.881.145.276	37.682.973.123
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	6 40.355.517.129	36.881.145.276

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2021

Người lập biểu



Phạm Thị Mai Nương

Kế toán trưởng



Lê Thị Thuần

Tổng Giám đốc



Ngô Đức Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ 01/10/20 đến 31/12/20

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần DRH Holdings, trước đây là Công ty cổ phần Đầu tư Căn nhà Mơ Ước (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh (GCNĐKKD) số 4103004401 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/03/2006, sau đó điều chỉnh thành Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (GCNĐKDN) số 0304266964 cấp ngày 6/3/2006 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh.

Vốn điều lệ của Công ty là 609.999.330.000 đồng.

Trụ sở giao dịch: 67 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TPHCM

Ngày 13 tháng 07 năm 2010, Công ty đã được chính thức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu DRH.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; môi giới bất động sản và đầu tư tài chính.

1.2 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Công ty có 03 công ty con trực tiếp và 01 công ty con gián tiếp.

1.3 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính Hợp nhất tại ngày 31/12/2019 của Công ty đã được kiểm toán.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 KỲ KẾ TOÁN NĂM

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 ("Thông tư 200") của Bộ Tài chính, thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính, và Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành để lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất cho quý 4 năm 2020.

4. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 năm 2020 của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con, công ty liên kết (gọi

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ 01/10/20 đến 31/12/20

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

chung là Công ty) do Công ty kiểm soát được lập cho đến ngày kết thúc kỳ báo cáo. Việc kiểm soát đạt

được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con, công ty liên kết được lập cho cùng năm tài chính với báo cáo tài chính của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con, công ty liên kết được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con là giống nhau.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

5.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Từ 01/01/2015, Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp được hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC thay thế cho Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC, Thông tư 244/2009/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014. Các Thông tư này không yêu cầu Công ty phải thực hiện điều chỉnh hồi tố các ảnh hưởng của việc thay đổi chính sách kế toán.

5.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

5.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

5.4 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Chứng khoán kinh doanh gồm các khoản chứng khoán và các công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh tại thời điểm báo cáo (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh phải được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

Khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ 01/10/20 đến 31/12/20

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo phương pháp giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Cổ tức, lợi nhuận được chia từ công ty liên kết, liên doanh được ghi giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết trên báo cáo tài chính hợp nhất. Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết cũng phải được điều chỉnh khi lợi ích của nhà đầu tư thay đổi do có sự thay đổi trong vốn chủ sở hữu của công ty liên kết nhưng không được phản ánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết.

5.5 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý.

Khi lập Báo cáo tài chính, Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp".

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

5.6 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp" và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228.

5.7 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ 01/10/20 đến 31/12/20

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 35
Máy móc, thiết bị	3 – 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 6
Phương tiện vận tải	6 – 8
Cây lâu năm	6

5.8 XÂY DỰNG CƠ BÀN DỮ DANG

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

5.9 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại Hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

5.10 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP KHÁC

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

5.11 NGOẠI TỆ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế theo nguyên tắc: Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh; Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá đều được phản ánh ngay vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính tại thời điểm phát sinh.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ 01/10/20 đến 31/12/20

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

thường xuyên có giao dịch. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

5.12 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5.13 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5.14 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Theo đó, hoạt động theo lĩnh vực của Công ty gồm: hoạt động bán hàng hóa và hoạt động gia công.

Báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế Thu nhập doanh nghiệp.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ 01/10/20 đến 31/12/20

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Tại 31/12/2020 VND	Tại 01/01/2020 VND
Tiền mặt	467.611.974	600.927.256
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	39.887.905.155	36.280.218.020
Tổng cộng	40.355.517.129	36.881.145.276

7. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Cty CP Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương	Tổng cộng (VND)
Giá trị đầu tư :		
Tại 01/01/2020	380.529.474.422	380.529.474.422
Tại 31/12/2020	380.529.474.422	380.529.474.422
Phần lũy kế lợi nhuận sau khi mua công ty liên kết		
Tại 01/01/2020	183.660.294.980	183.660.294.980
Phần lợi nhuận công ty liên kết trong kỳ	70.608.308.320	70.608.308.320
Tại 31/12/2020	254.268.603.300	254.268.603.300
Giá trị còn lại :		
Tại 01/01/2020	564.189.769.402	564.189.769.402
Tại 31/12/2020	634.798.077.722	634.798.077.722

8. HÀNG TỒN KHO

	Tại 31/12/2020 VND	Tại 01/01/2020 VND
Bất động sản dở dang	826.821.316.582	815.250.676.384
Tổng cộng	826.821.316.582	815.250.676.384

9. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Tại 31/12/2020 VND	Tại 01/01/2020 VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	33.678.862.889	113.589.562.202
Tổng cộng	33.678.862.889	113.589.562.202

10. PHẢI THU KHÁC

	Tại 31/12/2020 VND	Tại 01/01/2020 VND
Ngắn hạn	678.014.132.152	525.394.251.303
Dài hạn	1.869.324.000	1.875.324.000
Tổng cộng	679.883.456.152	527.269.575.303

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ 01/10/20 đến 31/12/20

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Tại 01/01/2020	103.832.610	-	1.164.205.707	1.268.038.317
Mua trong kỳ	-	-	109.198.000	109.198.000
Tại 31/12/2020	103.832.610	-	1.273.403.707	1.377.236.317
Hao mòn lũy kế				
Tại 01/01/2020	103.832.610	-	912.408.015	1.016.240.625
Khấu hao trong kỳ	-	-	210.137.630	210.137.630
Tại 31/12/2020	103.832.610	-	1.122.545.645	1.226.378.255
Giá trị còn lại				
Tại 01/01/2020	-	-	251.797.692	251.797.692
Tại 31/12/2020	-	-	150.858.062	150.858.062

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND
Nguyên giá	
Tại 01/01/2020	2.207.506.190
Tăng trong kỳ	10.450.000
Tại 31/12/2020	2.217.956.190
Hao mòn lũy kế	
Tại 01/01/2020	942.364.707
Khấu hao trong kỳ	493.436.543
Tại 31/12/2020	1.435.801.250
Giá trị còn lại	
Tại 01/01/2020	1.265.141.483
Tại 31/12/2020	782.154.940

13. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	Tại 31/12/2020	Tại 01/01/2020
	VND	VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	-	3.582.102.565
Tổng cộng	-	3.582.102.565

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Tại 31/12/2020	Tại 01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn	2.265.577.843	1.665.922.987
Dài hạn	125.292.599.934	75.951.203.379
Tổng cộng	127.558.177.777	77.617.126.366

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ 01/10/20 đến 31/12/20

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Tại 31/12/2020	Tại 01/01/2020
	VND	VND
Phải trả người bán	60.124.947.790	66.321.115.398
Tổng cộng	60.124.947.790	66.321.115.398

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại 01/01/2020	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Tại 31/12/2020
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	3.228.822.404	19.514.522.249	1.613.839.859	21.129.504.794
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.212.431.945	50.639.425	6.722.294.228	7.540.777.142
Thuế thu nhập cá nhân	221.033.860	1.324.360.180	1.289.356.749	256.037.291
Các khoản phải nộp khác	-	113.105.960	101.300.696	11.805.264
Tổng cộng	17.662.288.209	21.002.627.814	9.726.791.532	28.938.124.491

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Tại 31/12/2020	Tại 01/01/2020
	VND	VND
Lãi vay	3.978.174.089	111.883.770
Chi phí dịch vụ chuyên nghiệp	350.000.000	370.000.000
Khác	52.500.000	97.500.000
Tổng cộng	4.380.674.089	579.383.770

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	Tại 31/12/2020	Tại 01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn	709.429.648.796	907.482.939.508
Dài hạn	118.800.000	172.800.000
Tổng cộng	709.548.448.796	907.655.739.508

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Tại 31/12/2020	Tăng	Giảm	Tại 01/01/2020
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	410.279.917.859	643.510.564.904	392.974.929.587	159.744.282.542
Vay dài hạn	-	-	13.513.593.875	13.513.593.875
Tổng cộng	410.279.917.859	643.510.564.904	406.488.523.462	173.257.876.417

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ 01/10/2020 đến 31/12/20

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU
BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn cổ phần		Cổ phiếu quỹ	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND					
Tại 01/01/2019	609.999.330.000	-	2.423.766.063	154.525.497.999	5.724.958.898	772.673.552.960	
Lãi trong năm	-	-	-	54.693.500.069	(2.824.192)	54.690.675.877	
Trích lập Quỹ ĐTPT	-	-	6.574.994.872	(6.574.994.872)	-	-	
Trích lập Quỹ KTPL	-	-	-	(9.862.492.308)	-	(9.862.492.308)	
Trích Thù lao HĐQT, BKS	-	-	-	(1.314.998.974)	-	(1.314.998.974)	
Cổ phiếu quỹ trong kỳ	-	(5.750.000.000)	-	-	-	(5.750.000.000)	
Tại 31/12/2019	609.999.330.000	(5.750.000.000)	8.998.760.935	191.466.511.914	5.722.134.706	810.436.737.555	
Tại 01/01/2020	609.999.330.000	(5.750.000.000)	8.998.760.935	191.466.511.914	5.722.134.706	810.436.737.555	
Lãi trong kỳ	-	-	-	47.791.807.357	(27.860.455)	47.763.946.902	
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	-	-	5.469.350.007	(5.469.350.007)	-	-	
Trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(8.204.025.010)	-	(8.204.025.010)	
Chi phí hoạt động HĐQT	-	-	-	(1.000.000.000)	-	(1.000.000.000)	
Cổ phiếu quỹ trong kỳ	-	(710.000.000)	-	-	-	(710.000.000)	
Tại 31/12/2020	609.999.330.000	(6.460.000.000)	14.468.110.942	224.584.944.254	5.694.274.251	848.286.659.447	

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ 01/10/20 đến 31/12/20

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

	Tại 01/10/2020- 31/12/2020 VND	Tại 01/10/2019- 31/12/2019 VND
21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	153.409.091	3.303.294.500
Doanh thu BĐS	16.989.051.272	328.852.866.925
Tổng cộng	17.142.460.363	332.156.161.425
22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN		
Giá vốn cung cấp dịch vụ	663.017.924	2.541.353.836
Giá vốn BĐS	13.740.075.612	283.439.967.201
Tổng cộng	14.403.093.536	285.981.321.037
23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
Lãi tiền gửi	42.834.417	39.554.099
Lãi đầu tư chứng khoán	8.015.343.316	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	774.310.573	-
Tổng cộng	8.832.488.306	39.554.099
24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH		
Chi phí lãi vay	9.733.740.707	8.109.655.042
Hoàn dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(13.750.000)	17.723.466
Lỗ do thanh lý chứng khoán kinh doanh	36.940.090	22.921.341
Khác	203.631.392	370.465.743
Tổng cộng	9.960.562.189	8.520.765.592
25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP		
Chi phí nhân viên	5.639.650.140	1.311.784.183
Chi phí khấu hao và hao mòn	544.572.062	2.176.418.410
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.950.853.215	155.000.061
Chi phí khác	955.307.613	815.744.693
Tổng cộng	10.090.383.030	4.458.947.347

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ 01/10/20 đến 31/12/20

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**26. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	Tại 01/10/2020- 31/12/2020 VND	Tại 01/10/2019- 31/12/2019 VND
Thu nhập khác	27.533.797	2.662.714.883
Chi phí khác	1.636.501.710	791.936.747
Lợi nhuận khác	(1.608.967.913)	1.870.778.136

27. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/10/20- 31/12/20	Từ 01/10/19- 31/12/19
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	11.386.866.958	31.716.748.837
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(1.708.030.044)	(4.757.512.326)
Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	60.353.933	60.424.933
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	160	446
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	160	446

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS
 Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho giai đoạn từ 01/10/20 đến 31/12/20

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

28. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Từ 01/10/19-31/12/19

	Doanh thu cung cấp dịch vụ		Doanh thu bán bất động sản		Doanh thu bán hàng		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Doanh thu thuần bộ phận	3.303.294.500	328.852.866.925	-	-	332.156.161.425		
Chi phí bộ phận	(2.541.353.836)	(283.439.967.201)	-	-	(285.981.321.037)		
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	761.940.664	45.412.899.724	-	-	46.174.840.388		
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(33.657.386.775)		
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					12.517.453.613		
Doanh thu tài chính					39.554.099		
Phần lãi trong công ty liên kết					32.861.110.902		
Chi phí tài chính					(8.520.765.592)		
Thu nhập khác					2.662.714.883		
Chi phí khác					(791.936.747)		
Lợi nhuận trước thuế					38.768.131.158		
Chi phí thuế TNDN hiện hành					(4.137.751.984)		
Chi phí thuế TNDN hoãn lại					(2.898.447.293)		
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					31.731.931.881		
Tổng tài sản					2.342.145.686.220		
Tổng nợ phải trả					1.531.708.948.665		

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ 01/10/20 đến 31/12/20

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ 01/10/20-31/12/20

Doanh thu thuần bộ phận					
Chi phí bộ phận					
Kết quả kinh doanh theo bộ phận					
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					
Doanh thu tài chính					
Phần lãi trong công ty liên kết					
Chi phí tài chính					
Thu nhập khác					
Chi phí khác					
Lợi nhuận trước thuế					
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					
Tổng tài sản					
Tổng nợ phải trả					

Doanh thu cung cấp dịch vụ	Doanh thu bán bất động sản	Doanh thu bán hàng	Cộng
VND	VND	VND	VND
153.409.091	16.989.051.272	-	17.142.460.363
(14.403.093.536)	-	-	(14.403.093.536)
<u>(14.249.684.445)</u>	<u>16.989.051.272</u>	<u>-</u>	<u>2.739.366.827</u>
			(11.652.555.570)
			(8.913.188.743)
			8.832.488.306
			23.747.603.666
			(9.960.562.189)
			27.533.797
			(1.636.501.710)
			<u>12.097.373.127</u>
			<u>11.368.768.999</u>
			<u>2.485.933.721.016</u>
			<u>1.637.647.061.569</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS
 Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho giai đoạn từ 01/10/20 đến 31/12/20
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

	Tại 31/12/2020 VND	Tại 01/01/2020 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	40.355.517.129	36.881.145.276
Đầu tư ngắn hạn	437.499.997	398.749.997
Phải thu khách hàng và phải thu khác	696.243.108.381	441.682.479.916
Tổng cộng	737.036.125.507	478.962.375.189
Công nợ tài chính		
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	410.279.917.859	173.257.876.417
Phải trả người bán và phải trả khác	1.180.201.502.198	1.331.843.794.072
Chi phí phải trả	4.380.674.089	579.383.770
Tổng cộng	1.594.862.094.146	1.505.681.054.259

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2020			
Phải trả người bán và phải trả khác	1.180.082.702.198	118.800.000	1.180.201.502.198
Chi phí phải trả	4.380.674.089	-	4.380.674.089
Vay và nợ thuê tài chính	410.279.917.859	-	410.279.917.859
Cộng	1.594.743.294.146	118.800.000	1.594.862.094.146
Tại 01/01/2020			
Phải trả người bán và phải trả khác	1.331.670.994.072	172.800.000	1.331.843.794.072
Chi phí phải trả	579.383.770	-	579.383.770
Vay và nợ thuê tài chính	159.744.282.542	13.513.593.875	173.257.876.417
Cộng	1.491.994.660.384	13.686.393.875	1.505.681.054.259

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ 01/10/20 đến 31/12/20

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tại 31/12/2020			
Tiền và các khoản tương đương tiền	40.355.517.129	-	40.355.517.129
Đầu tư ngắn hạn	437.499.997	-	437.499.997
Phải thu khách hàng và phải thu khác	694.373.784.381	1.869.324.000	696.243.108.381
Cộng	735.166.801.507	1.869.324.000	737.036.125.507
Tại 01/01/2020			
Tiền và các khoản tương đương tiền	36.881.145.276	-	36.881.145.276
Đầu tư ngắn hạn	398.749.997	-	398.749.997
Phải thu khách hàng và phải thu khác	439.807.155.916	1.875.324.000	441.682.479.916
Cộng	477.087.051.189	1.875.324.000	478.962.375.189

30 CÁC THÔNG TIN KHÁC
30.1 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG


Không có khoản nợ tiềm tàng nào khác phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

30.2 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2021

Người lập biểu



Phạm Thị Mai Nương

Kế toán trưởng



Lê Thị Thuần

Tổng Giám Đốc



Ngô Đức Sơn